

APPLICATION FOR CLASSIFICATION AS REFUGEES

Respectfully to: THE DIRECTOR, THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM OFFICE
131 SOI TIEN SIANG, SATHORN TAI ROAD, BANGKOK 10120
THAILAND

Subject: Request for Immigration to the United States of America
Under THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

Dear Sir,

1. I, the undersigned: NGUYEN VAN TY 2. Regimental number:
3. Date and country of birth: 01-02-1949 Bình chánh Gia Định
4. Nationality : . . Việt Nam 5. Religion: . . Phật giáo
6. Sex : MALE FEMALE 7. Family status: 01 Wife-02 child
8. Home address : Ấp 4, xã Tân Nhất, huyện Bình chánh, TP. HCM. Parents:
9. Military education: Khóa 4/70 Sĩ quan trừ bị Thủ Đức
10. Job title/Grade : Thiếu úy. / Trưởng Ban Kiểm soát Bình chủng BQĐ
11. Armed Forces Branch of service :
12. Unit : Bộ Chỉ huy Biệt động Quân- Trại Đào Bá Phước
13. place worked:
14. Civilian education: Năm thứ 4 Luật
15. Civilian occupations: Sinh viên
16. Travel/Education outside Vietnam: không
17. US closest relative: không
18. US Acquaintance:
19. After April 30, 1975, spent in reeducation 04/years /months /day
Released from HT-L4T4 camp on /months /day /year
20. Reference:

Due to the difficulty of my situation, and based on the authority of your Organization and the spirit of the Humanitarian Act, I wish to request your assistance and your intervention with the Government of the Socialist Republic of Vietnam, in order that I and all my family's members may be authorized to leave Vietnam under your arrangement and protection through the ODP, and to immigrate to The United States of America for the purpose of seeking a new life.

Following is our full list:

<u>FULL NAME</u>	<u>SEX</u>	<u>YEAR OF BIRTH</u>	<u>MARRIED</u>	<u>RELATIONSHIP TO ME</u>	<u>ADDRESS</u>
1. NGUYEN THI DEP	F	1958	M	Vợ	xã Tân Kiên
2. NGUYEN THI HUYNH MAI	F	1983	/	Con gái	xã Tân Kiên
3. NGUYEN HUYNH KHOA LỘC	M	1987	/	Con trai	"
4.					
5.					

We would be deeply grateful to you for hearing from you soon.

Respectfully and thankfully yours,

Hochiminh city, Date 2-8-1989

Signature of Applicant

Enclosures:

Pro' tue

FOR CLASSIFICATION AS REFUGEES

**DIRECTOR, THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM OFFICE
DI TIEN SIANG, BATHORN TAI ROAD, BANGKOK 10120
THAILAND**

**Subject: Request for Immigration to the United States of America
Under THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM**

Dear Sir,

1. I, the undersigned: **NGUYEN VAN TY** 2. Regimental number:
3. Date and country of birth: **01-02-1949 Bình chánh Gia Định**
4. Nationality : **Việt Nam** 5. Religious: **Phật giáo**
6. Sex : **MALE** ~~Female~~ 7. Family status: **01 Wife-02 child**
8. Home address : **Ấp 4, xã Tân Nhất, huyện Bình chánh, TP. HCM.** parent
9. Military education: **Khóa 4/70 Sĩ quan trẻ bộ Thủ Đức**
10. Job title/Grade : **Thiếu úy. / Trưởng Ban Kiểm soát Bình chánh BDC**
11. Armed Forces Branch of service :
12. Unit : **Bộ Chỉ huy Biệt động Quân- Trại Đào Bả Phước**
13. place worked:
14. Civilian education: **Năm thứ 4 Luật**
15. Civilian occupation: **Sinh viên**
16. Travel/Education outside Vietnam: **không**
17. US closest relative: **không**
18. US Acquaintance:
19. After April 30, 1975, spent in reeducation 04/years /months /day
Released from **HT-L4T4** camp on /months /day /year
20. Reference:

Due to the difficulty of my situation, and based on the authority of your Organization and the spirit of the Humanitarian Act, I wish to request your assistance and your intervention with the Government of the Socialist Republic of Vietnam, in order that I and all my family's members may be authorized to leave Vietnam under your arrangement and protection through the ODP, and to immigrate to The United States of America for the purpose of seeking a new life:

Following is our full list:

<u>FULL NAME</u>	<u>SEX</u>	<u>YEAR OF BIRTH</u>	<u>MARRIED</u>	<u>RELATIONSHIP TO ME</u>	<u>ADDRESS</u>
1. NGUYEN THI DEP	F	1958	M	Vợ	xã Tân Kiên
2. NGUYEN THI HUYNH MAI	F	1983	/	Con gái	xã Tân Kiên
3. NGUYEN HUYNH KHOA LỘC	M	1987	/	Con trai	"
4.					
5.					

We would be deeply grateful to you for hearing from you soon.

Respectfully and thankfully yours,

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

ODP IV

Dates:

A. BASIC IDENTIFICATION

1. Name : NGUYEN VAN TY Sex: Male
2. Other names : NGUYEN VAN TY
3. Date/Place of birth: 01-02-1949 Binh chanh - Gia dinh
4. Residence Address: ấp 4 xã Tân Nhứt, huyện Bình chánh, TP HCM
5. Mailing Address: 311/32 đường Minh Phụng, P 2, Q 11, TP HCM
6. Current Occupation : làm thuê

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME

(Note: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W) or Single (S)

	<u>Name</u>	<u>DOB</u>	<u>POB</u>	<u>Sex</u>	<u>MS</u>	<u>Relationship</u>
1.	NGUYEN THI DEP	1958	Binh chanh	F	M	Wife
2.	NGUYEN THI QUYNH MAI	1983	Binh chanh	F	/	Daughter
3.	NGUYEN QUYNH KHOA LỘC	1987	Binh chanh	M	/	Son
4.						
5.						
6.						

(Note: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificates (if widowed), identification cards (if available) and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in section I below)

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM/of Myself/of my spouse

1. Closest relative in the US

- a. Name none
- b. Relationship
- c. Address
- d. Date of Relative arrival

2. Closest relative in other Foreign countries

- a. Name none
- b. Relationship
- c. Address

D. COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Dead)

	<u>Name</u>	<u>Living/dead</u>	<u>Address</u>
1. Father	NGUYEN VAN TUONG	living	311/32 Minh Phụng, P 2, Q 11
2. Mother	NGUYEN THI TU	living	311/36 Minh Phụng, P 2, Q 11
3. Spouse	NGUYEN THI TU	living	ấp 3, xã Tân Kiên, Bình chánh
4. Former spouse (if any)			
5. Children:			
	-1) NGUYEN THI QUYNH MAI	living	xã Tân Kiên, Bình chánh
	-2) NGUYEN QUYNH KHOA LỘC	living	xã Tân Kiên, Bình chánh
	-3)		

Siblings : - Em : NGUYEN THI HIỆP living 311/36 Minh Phụng, P 2, Q 11

E. EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER US ORGANISATION of you or your spouse.

1. Employee name: none
Position title:
Agency/company/office:
Length of employment From To
Name of American Supervisor:
Reason for separation:
2. Training for Job in Vietnam:

F. SERVICE WITH GVN OR RVNAF by you or your spouse.

1. Name of person serving: NGUYEN VĂN TỶ
2. Dates From 4/1970 to 30/04/1975
3. Last rank Thiếu úy
Serial number 69/ 150819
4. Ministry/Office/Military unit Bộ Chỉ Huy Biệt động quân
5. Name of Supervisor/C.O Thiếu tướng Đỗ Kế Giai
6. Reason for Separation biến cố 30/04/75
7. Name of American Advisor /
8. US Training courses in Vietnam
9. US Awards or Certificates
(Note: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes. . . No)

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM of you or your spouse.

1. Name of student/Trainee: none
2. School and school address:
3. Date From to
4. Description of Courses:
5. Who paid for training?
(Note: Please attach copies of diplomas or order, if available. Available? Yes. . . No)

H. REEDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person in Re-education: NGUYEN VĂN TỶ
2. Time in Re-education: From 30/04/1975 to 30/04/1978
3. Still in Re-education? Yes No
(If released, we must have a copy of your release certificates)

H. ANY ADDITIONAL REMARKS

- Muốn được tái định cư tại Hoa Kỳ.

Signature:

Date: 02/08/1980

J. Please list here all documents attached to this questionnaire

- 01 Giấy ra trại
- 01 Hôn thú
- 02 Chai sanh
- 01 Căn cước
- Ảnh

BỘ QUỐC PHÒNG
Cục Quân Pháp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

840164

Số: 137/5

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số 01/TTg ngày 24/12/77 về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số 02/5 ngày 14/01/78 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: Nguyễn Văn Hùng

Ngày, tháng, năm sinh: 1955

Quê quán: Hồ Chí Minh

Trú quán: Qua trú cũ không ở Tp. HCM

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và

tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: Cấp 1, 2, 3, 4

hiệu úy, quân, ban kiểm soát binh chủng biệt động quân

- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Phường: 11/02 thuộc Huyện,

Quận: 11 Tỉnh, Thành phố: Hồ Chí Minh

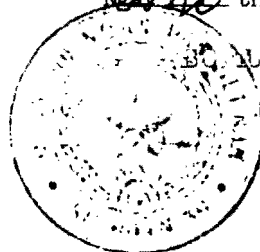
và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: 30 tháng

- Thời hạn đi đường: 1 hồi ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp: (05 100 000 (50 triệu))

Ngày 20 tháng 4 năm 1978



Trưởng Bộ Đoàn Văn Khỏe

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

M.L. HI 15/P3

Xã, Thị trấn: Tân Kiên

Thị xã, Quận: Bình Chánh

Thành phố, tỉnh: HỒ CHÍ MINH

BẢN SAO
GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 69

Quyển 01

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Bi danh	<u>NGUYỄN VĂN TỶ</u>	<u>NGUYỄN THỊ BỢ</u>
Sinh ngày tháng năm hay tuổi	<u>1.02.1949</u>	<u>24.02.1958</u>
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Giáo viên</u>
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	<u>Ấp 4 Xã Tân Nhựt</u> <u>Huyện Bình Chánh</u> <u>TP. Hồ Chí Minh</u>	<u>Ấp 2 Xã Tân Kiên</u> <u>Huyện Bình Chánh</u> <u>TP. Hồ Chí Minh</u>
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu	<u>021185599</u>	<u>021184463</u>

Người chồng ký

Người vợ ký

Đăng ký, ngày 31 tháng 08 năm 83

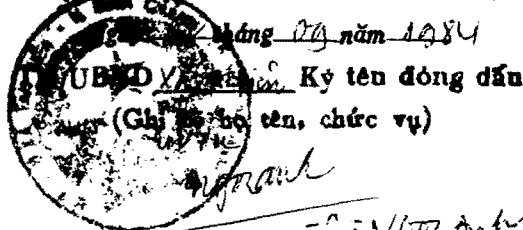
TM/UBND Xã Tân Kiên Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Chức Tịch

NGUYỄN HỮU TÙNG

NHÂN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH



T.S. Nguyễn Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT2/P3

Xã, Thị trấn Tân Hưng

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Thị xã, Quận Đak Krong

BẢN SAO

Thành phố, Tỉnh Đak Lak

GIẤY KHAI SANH

Số 123Quyển số 01

Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Quỳnh Mai</u>		Nam, Nữ <u>Nữ</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>Ngày sáu tháng mười hai, năm một nghìn chín trăm tám mươi ba. (06/12/1983)</u>		
Nơi sinh	<u>Bệnh viện Đak Krong</u>		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>Nguyễn Văn Tý</u> <u>1940</u>	<u>Nguyễn Thị Ngọc</u> <u>1950</u>	
Dân tộc	<u>Tinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Nhà nông</u>	<u>Đảng viên</u>	
Nơi ĐKNK thường trú.	<u>Ấp 4 Tân Hưng</u>	<u>Ấp 3 Tân Hưng</u>	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc C.N.C.C. của người đứng khai.	<u>Nguyễn Thị Tết</u> <u>Ấp 3 Tân Hưng</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BAN CHÁNH

Đang ký ngày tháng năm 1983
(Ký tên đóng dấu, ghi rõ tên họ)Ngày tháng năm
Ký tên và đóng dấuP. Chủ tịch
Ấn ký
Lê Công ViênLê Thị Cẩm

HLA-WF3P/3

Số 172
Quyển số 02

[Handwritten signature]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~021135599~~

Họ tên: **NGUYỄN VĂN TỶ**

Sinh ngày: **01-02-1949**

Nguyên quán: **Bình Chánh,
TP. Hồ Chí Minh**

Nơi thường trú: **Tân nhựt,
Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh**



Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Phật	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
		Sẹo chạm c, lõm dưới sau dưới mắt trái	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày 11 tháng 8 năm 1979 T. T. CÔNG AN QU. 1 HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN PHÒNG PHÁP Y PHẠM CS 2  <i>Thái Văn Tân</i>	

Bottle



My name:
Nguyễn Văn
Tự

01.02.1949



My wife:
Nguyễn Thị Đẹp

4958

Tân Kiên

Bình Chánh



Nguyễn Quỳnh
Khả Học

Date: 1987



Nguyễn Thị
Quỳnh Mai

Date: 1983

APPLICATION FOR CLASSIFICATION AS REFUGEES

Respectfully to: THE DIRECTOR, THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM OFFICE
131 SOI TIEN SIANG, SATHORN TAI ROAD, BANGKOK 10120
THAILAND

Subject: Request for Immigration to the United States of America
Under THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

Dear Sir,

1. I, the undersigned: NGUYEN VAN TY 2. Regimental number:
3. Date and country of birth: 01-02-1949 Bình chánh Gia Định
4. Nationality : . . Việt Nam 5. Religion: . . Phật giáo
6. Sex : MALE FEMALE 7. Family status: 01 Wife-02 child
8. Home address : Ấp 4, xã Tân Nhất, huyện Bình chánh, TP. HCM. Parents:
9. Military education: Khóa 4/70 Sĩ quan trừ bị Thủ Đức
10. Job title/Grade : Thiếu úy. / Trưởng Ban Kiểm soát Bình chủng BQĐ
11. Armed Forces Branch of service :
12. Unit : Bộ Chỉ huy Biệt động Quân- Trại Đào Bá Phước
13. place worked:
14. Civilian education: Năm thứ 4 Luật
15. Civilian occupations: Sinh viên
16. Travel/Education outside Vietnam: không
17. US closest relative: không
18. US Acquaintance:
19. After April 30, 1975, spent in reeducation 04/years /months /day
Released from HT-L4T4 camp on /months /day /year
20. Reference:

Due to the difficulty of my situation, and based on the authority of your Organization and the spirit of the Humanitarian Act, I wish to request your assistance and your intervention with the Government of the Socialist Republic of Vietnam, in order that I and all my family's members may be authorized to leave Vietnam under your arrangement and protection through the ODP, and to immigrate to The United States of America for the purpose of seeking a new life.

Following is our full list:

<u>FULL NAME</u>	<u>SEX</u>	<u>YEAR OF BIRTH</u>	<u>MARRIED</u>	<u>RELATIONSHIP TO ME</u>	<u>ADDRESS</u>
1. NGUYEN THI DEP	F	1958	M	Vợ	xã Tân Kiên
2. NGUYEN THI HUYNH MAI	F	1983	/	Con gái	xã Tân Kiên
3. NGUYEN HUYNH KHOA LỘC	M	1987	/	Con trai	"
4.					
5.					

We would be deeply grateful to you for hearing from you soon.

Respectfully and thankfully yours,

Hochiminh city, Date 2-8-1989

Signature of Applicant

Enclosures:

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

ODP IV

Dates:

A. BASIC IDENTIFICATION

1. Name : NGUYEN VAN TY Sex: Male
2. Other names : NGUYEN VAN TY
3. Date/Place of birth: 01-02-1949 Binh chanh - Gia dinh
4. Residence Address: ấp 4 xã Tân Nhựt, huyện Bình chánh, TP HCM
5. Mailing Address: 311/32 đường Minh Phụng, P 2, Q 11, TP HCM
6. Current Occupation : làm thuê

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME

(Note: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W) or Single (S)

	<u>Name</u>	<u>DOB</u>	<u>POB</u>	<u>Sex</u>	<u>MS</u>	<u>Relationship</u>
1.	NGUYEN THI DEP	1958	Binh chanh	F	M	Wife
2.	NGUYEN THI QUYNH MAI	1983	Binh chanh	F	/	Daughter
3.	NGUYEN QUYNH KHOA LỘC	1987	Binh chanh	M	/	Son
4.						
5.						
6.						

(Note: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificates (if widowed), identification cards (if available) and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in section I below)

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM/of Myself/of my spouse

1. Closest relative in the US

- a. Name none
- b. Relationship
- c. Address
- d. Date of Relative arrival

2. Closest relative in other Foreign countries

- a. Name none
- b. Relationship
- c. Address

D. COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Dead)

	<u>Name</u>	<u>Living/dead</u>	<u>Address</u>
1. Father	NGUYEN VAN TUONG	living	311/32 Minh Phụng, P 2, Q 11
2. Mother	NGUYEN THI TU	living	311/36 Minh Phụng, P 2, Q 11
3. Spouse	NGUYEN THI DEP	living	ấp 3, xã Tân Kiên, Bình chánh
4. Former spouse (if any)			
5. Children:			
	-1) NGUYEN THI QUYNH MAI	living	xã Tân Kiên, Bình chánh
	-2) NGUYEN QUYNH KHOA LỘC	living	xã Tân Kiên, Bình chánh
	-3)		

Siblings : - Em : NGUYEN THI HIỆP living 311/36 Minh Phụng, P 2, Q 11

E. EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER US ORGANISATION of you or your spouse.

1. Employee name: none
Position title:
Agency/company/office:
Length of employment From To
Name of American Supervisor:
Reason for separation:
2. Training for Job in Vietnam:

F. SERVICE WITH GVN OR RVNAF by you or your spouse.

1. Name of person serving: NGUYEN VĂN TỶ
2. Dates From 4/1970 to 30/04/1975
3. Last rank Thiếu úy
Serial number 69/ 150819
4. Ministry/Office/Military unit Bộ Chỉ Huy Biệt động quân
5. Name of Supervisor/C.O Thiếu tướng Đỗ Kế Giai
6. Reason for Separation biến cố 30/04/75
7. Name of American Advisor /
8. US Training courses in Vietnam
9. US Awards or Certificates
(Note: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes. . . No)

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM of you or your spouse.

1. Name of student/Trainee: none
2. School and school address:
3. Date From to
4. Description of Courses:
5. Who paid for training?
(Note: Please attach copies of diplomas or order, if available. Available? Yes. . . No)

H. REEDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person in Re-education: NGUYEN VĂN TỶ
2. Time in Re-education: From 30/04/1975 to 30/04/1978
3. Still in Re-education? Yes No
(If released, we must have a copy of your release certificates)

H. ANY ADDITIONAL REMARKS

- Muốn được tái định cư tại Hoa Kỳ.

Signature:

Date: 02/08/1980

J. Please list here all documents attached to this questionnaire

- 01 Giấy ra trại
- 01 Hôn thú
- 02 Hai sanh
- 01 Căn cước
- Ảnh

BỘ QUỐC PHÒNG
Cục Quân Pháp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

8401/84

Số: 137/5

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số 141/TT ngày 27/12/77 về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số 147/CP ngày 27/01/78 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: Nguyễn Văn Sĩ

Ngày, tháng, năm sinh: 1945

Quê quán: Xã - Quận

Trú quán: Trú tại thôn, xã, huyện: HCM

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị, phản động của chế độ cũ: 09.150819

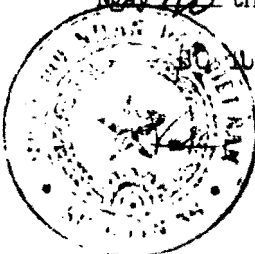
Đã có lý lịch rõ ràng, không tham gia các tổ chức phản động, biệt lập, quân

- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Phường: 311/32 Đường Minh Mạng, Quận 2, thuộc Huyện, Quận: 11 Tỉnh, Thành phố: Hồ Chí Minh và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: 12 tháng

- Thời hạn đi đường: 10 ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp: (Có giấy cấp tiền lương thực)

Ngày 20 tháng 7 năm 1978

Trưởng Bộ Quốc phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mã HT 15/P3

Xã, Thị trấn: Tân Kiên

Thị xã, Quận: Bình Chánh

Thành phố, tỉnh: HỒ CHÍ MINH

BẢN SAO

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 69

Quyển 01

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Bi danh	<u>NGUYỄN VĂN TÍ</u>	<u>NGUYỄN THỊ ĐEP</u>
Sinh ngày tháng năm hay tuổi	<u>1 . 02 . 1949</u>	<u>24.02. 1958</u>
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Giáo viên</u>
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	<u>Ấp 4 Xã Tân Nhựt</u> <u>Huyện Bình Chánh</u> <u>TP. Hồ Chí Minh</u>	<u>Ấp 3 Xã Tân Kiên</u> <u>Huyện Bình Chánh</u> <u>TP. Hồ Chí Minh</u>
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu	<u>021185599</u>	<u>021184463</u>

Đăng ký, ngày 31 tháng 08 năm 83

TM/UBND Tân Kiên Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Chức Tịch

NGUYỄN HỮU TÙNG

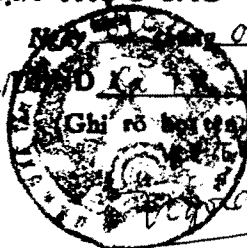
Người chồng ký

Người vợ ký

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 07 năm 1984
TM/UBND K. P. R. Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)



TỔ T. N. B. Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT2/P3

Xã, Thị trấn Tân Kiên
Thị xã, Quận Bình Chánh
Thành phố, Tỉnh Hồ Chí Minh

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢN SAO

GIẤY KHAI SANH

Số 476

Quyển số 17

Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Quỳnh Mai</u>		Nam, Nữ <u> </u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>Ngày sáu, tháng mười hai, năm</u> <u>một chín tám ba (06-12-1983)</u>		
Nơi sinh	<u>Bệnh viện</u> <u>Hưng Vương</u>		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>Nguyễn Văn Bội</u> <u>1949</u>	<u>Nguyễn Thị Đẹp</u> <u>1958</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Quản viên</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Ấp 4, Bàu Nhứt</u>	<u>Ấp 3, Tân Kiên</u>	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc C.N.C.C. của người đứng khai,	<u>Nguyễn Thị Tới</u> <u>Ấp 3, Tân Kiên</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 07 tháng 04 năm 1984

Ủy ban Xã Tân Kiên ký tên và đóng dấu

Đang ký ngày 16 tháng 11 năm 1983

(Ký tên đóng dấu, ghi rõ tên họ)



Ủy viên Thủ ủy

Nguyễn Văn Bội

TỔ TNGOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **024185599**

Họ tên **NGUYỄN VĂN TỶ**



Sinh ngày **01-02-1949**

Nguyên quán **Bình Chánh,**

TP. Hồ Chí Minh

Nơi thường trú **Tân nhựt,**
Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

Dân tộc: **Kinh** Tôn giáo: **Phật**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

**Sẹo chạm c, lem dưới
sau dưới mắt trái**

Ngày 11 tháng 8 năm 1979

**TRƯỞNG PHÒNG CÔNG AN
PHÒNG PHỎNG CS I**



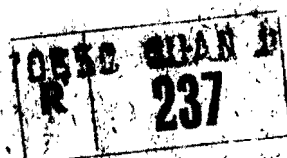
Handwritten signature: Hai Văn Tân

From: NGUYEN VAN TY
311/32 Binh phung P.2 Quan 11
TP. HO CHI MINH
VIET NAM



PAR AVION
MAY BAY

AR
BAO NHAN



HỒ SƠ BỐ TÚC

Bà. Khuê Minh Thảo

TO: P.O - BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635
USA

HỒ SƠ BỐ TÚC

